

Số: /QĐ-SYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng/công trình sự nghiệp lĩnh vực y tế của Trung tâm Giám định y khoa Hà Nội**

### **GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính Phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 62/2025/QĐ-UBND ngày 01/10/2025 của UBND thành phố về phân cấp thẩm quyền quyết định đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5066/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hà Nội;

Căn cứ Văn bản số 4159/BYT-HTTB ngày 30/6/2025 của Bộ Y tế hướng dẫn sắp xếp, bố trí diện tích làm việc của các cơ sở y tế theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp;

Căn cứ Văn bản số 1098/BYT-HTTB ngày 14/02/2026 của Bộ Y tế về việc góp ý dự thảo Thông tư quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Trung tâm Giám định y khoa Hà Nội tại Tờ trình số 47/TTr-TTGDYKHN ngày 01/4/2026; của Trưởng phòng: Nghiệp vụ Y, Nghiệp vụ Dược, Tổ chức cán bộ, Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế và kết quả xem xét của các thành viên theo Quyết định số 2830/QĐ-SYT ngày 17/12/2025 của Sở Y tế về việc thành lập Tổ xem xét tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng/công trình sự nghiệp các đơn vị trực thuộc của Sở Y tế Hà Nội.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng/công trình sự nghiệp lĩnh vực y tế của Trung tâm Giám định y khoa Hà Nội (*Chi tiết theo phụ lục đính kèm*).

**Điều 2.** Nguyên tắc áp dụng và phạm vi điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức

- Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng/công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

- Diện tích chuyên dùng/công trình sự nghiệp quy định tại Quyết định này là diện tích tối đa và được tính theo kích thước thông thủy theo quy định của pháp luật, không bao gồm cầu thang, thang máy, thang thoát hiểm, ram dốc, diện tích nhà để xe, diện tích tường bao, tường phân chia các phòng làm việc, diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật và tường bao hộp kỹ thuật (nếu có) bên trong phòng làm việc.

- Nội dung quy định tại Quyết định này không điều chỉnh đối với việc xác định giá dịch vụ y tế (nếu có).

**Điều 3.** Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Trung tâm Giám định y khoa Hà Nội

- Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, tính hợp lý, hợp lệ của các tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng/diện tích công trình sự nghiệp đã đề xuất. Chịu trách nhiệm giải trình đầy đủ, kịp thời trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu giải trình, báo cáo rõ về việc đề xuất tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng/diện tích công trình sự nghiệp đề nghị phê duyệt đảm bảo không vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, pháp luật khác có liên quan.

- Quá trình thực hiện có những phát sinh thay đổi cần điều chỉnh bổ sung so với tiêu chuẩn, định mức được phê duyệt, Trung tâm Giám định y khoa Hà Nội rà soát, đề xuất gửi Sở Y tế xem xét, điều chỉnh theo quy định.

- Sau khi Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn, Trung tâm Giám định y khoa Hà Nội có trách nhiệm rà soát, trình Sở Y tế để ban hành mới hoặc thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế của đơn vị cho phù hợp với quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Sở Y tế

Sau khi Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn, trên cơ sở đề xuất

của đơn vị, quyết định ban hành mới hoặc thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế của đơn vị cho phù hợp với quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Trưởng phòng Nghiệp vụ Dược, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Giám đốc Trung tâm Giám định y khoa Hà Nội và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Sở Tài chính;
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- Văn phòng Sở Y tế (để công khai trên website);
- Lưu: VT, KHTC<sub>XUÂN</sub>.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Trọng Diện**

**PHỤ LỤC**

**Tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng/công trình sự nghiệp lĩnh vực  
y tế của Bệnh viện Nhi Hà Nội**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng năm 2026 của Sở Y tế)*

## PHỤ LỤC

### TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG CÔNG TRÌNH /SỰ NGHIỆP LĨNH VỰC Y TẾ CỦA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH Y KHOA HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số /SYT-KHTC ngày / 4/2026 của Sở Y tế Hà Nội)

STT	Tên các diện tích	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Chú thích
1	Bộ phận đón tiếp, trực	m <sup>2</sup> /chỗ làm việc	6	“Chỗ làm việc” là diện tích làm việc dành cho 01 nhân viên y tế để thực hiện các công việc hành chính. Căn cứ quy mô của mỗi đơn vị để xác định số chỗ làm việc cho phù hợp
2	Chỗ đợi	m <sup>2</sup> /chỗ đợi	1,5/người lớn 1,8/trẻ em	“Chỗ đợi” bao gồm diện tích kê ghế ngồi của 01 người
3	Phòng giao ban, sinh hoạt chung	m <sup>2</sup> /người	2	Căn cứ số lượng nhân viên và yêu cầu công việc của đơn vị để xác định diện tích phòng cho phù hợp
4	Khu vệ sinh nhân viên (nam, nữ riêng biệt)	m <sup>2</sup> /phòng	24	Bao gồm cả khu vực tắm
5	Phòng thay quần áo (nam, nữ riêng biệt)	m <sup>2</sup> /chỗ	2	“Chỗ” bao gồm không gian thay quần áo và tủ để đồ của 01 nhân viên

STT	Tên các diện tích	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Chú thích
6	Kho chuyên dụng (vật tư, thiết bị, dụng cụ, tài liệu...)			
	- Kho chung của đơn vị	m <sup>2</sup> /phòng	48	Là kho sử dụng chung của toàn đơn vị sự nghiệp
	- Kho riêng của bộ phận chuyên môn	m <sup>2</sup> /phòng	24	Là kho sử dụng riêng của bộ phận chuyên môn (khoa, phòng...) thuộc đơn vị sự nghiệp
7	Kho bản	m <sup>2</sup> /phòng	15	Trường hợp có nhiều hơn 01 kho, có thể gộp diện tích
8	Kho sách	m <sup>2</sup> /phòng	21	Trường hợp có nhiều hơn 01 kho, có thể gộp diện tích.
9	Phòng trưởng, phó khoa/phòng	m <sup>2</sup> /phòng	26	Bao gồm diện tích chức danh và diện tích để thực hiện hoạt động chuyên môn
10	Phòng chuyên gia	m <sup>2</sup> /người	9	“chỗ”: là diện tích làm việc của 1 chuyên gia, tùy theo nhu cầu để xác định diện tích cho phù hợp
11	Phòng bác sĩ	m <sup>2</sup> /người	9	Bao gồm cả diện tích trực đêm; gồm diện tích kê bàn, quầy, tủ, ghế

STT	Tên các diện tích	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Chú thích
12	Phòng Điều dưỡng	m <sup>2</sup> /người	6	Bao gồm diện tích chức danh và diện tích để thực hiện hoạt động chuyên môn
13	Phòng cấp cứu	m <sup>2</sup> /phòng	12	Bao gồm diện tích kê giường, thiết bị y tế và khu vực thao tác của bác sĩ
14	Phòng khám bệnh	m <sup>2</sup> /chỗ	12	“chỗ”: Bao gồm không gian giường khám, ghế khám, chỗ đặt các thiết bị y tế hỗ trợ khác, bàn ghế bác sỹ, ghế ngồi bệnh nhân, ...
15	Phòng tạm lưu bệnh nhân	m <sup>2</sup> /giường	12	Lưu không quá 24 giờ. Không bao gồm khu vệ sinh
16	Chỗ rửa, hấp, sấy dụng cụ	m <sup>2</sup> /chỗ	6	“chỗ”: Bao gồm không gian thực hiện công tác chuẩn bị dụng cụ của nhân viên y tế
17	Phòng đào tạo	m <sup>2</sup> /chỗ	1,8	
18	Chỗ trực và làm việc của điều dưỡng/hộ sinh/kỹ thuật viên	m <sup>2</sup> /người	9	Chỗ trực và làm việc của điều dưỡng/hộ sinh/kỹ thuật viên
19	Phòng thu hồi đồ bẩn và khử trùng sơ bộ	m <sup>2</sup> /phòng	15	

<b>STT</b>	<b>Tên các diện tích</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Diện tích tối đa</b>	<b>Chú thích</b>
20	Kho bản	m <sup>2</sup> /phòng	15	Trường hợp có nhiều hơn 01 kho, có thể gộp diện tích
21	Kho sạch	m <sup>2</sup> /phòng	21	Trường hợp có nhiều hơn 01 kho, có thể gộp diện tích.
22	Kho chuyên dụng	m <sup>2</sup> /phòng	48	Trường hợp có nhiều hơn 01 kho, có thể gộp diện tích
23	Chỗ lấy mẫu bệnh phẩm	m <sup>2</sup> /chỗ	4	Là khu vực lấy mẫu, bệnh phẩm cho 01 bệnh nhân (bao gồm 01 xí + 01 chậu rửa)
24	Chỗ nhận mẫu bệnh phẩm	m <sup>2</sup> /chỗ	9	Bao gồm diện tích kê tủ đựng mẫu, bàn, quầy, ghế của 1 nhân viên, và các thiết bị hỗ trợ...
25	Khu vực phân loại giám định	m <sup>2</sup> /chỗ	12	Bao gồm không gian chỗ đặt các thiết bị y tế hỗ trợ, bàn ghế bác sĩ, ghế ngồi bệnh nhân
26	Khu vực giám định tổng quát	m <sup>2</sup> /chỗ	15	Bao gồm không gian chỗ đặt các thiết bị y tế hỗ trợ, bàn ghế bác sĩ, ghế ngồi bệnh nhân

<b>STT</b>	<b>Tên các diện tích</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Diện tích tối đa</b>	<b>Chú thích</b>
27	Giám định tỷ lệ mất sức lao động	m <sup>2</sup> /chỗ	15	Bao gồm không gian chỗ đặt các thiết bị y tế hỗ trợ, bàn ghế bác sĩ , ghế ngồi bệnh nhân
28	Giám định khả năng lao động, năng lực hành vi	m <sup>2</sup> /chỗ	15	Bao gồm không gian chỗ đặt các thiết bị y tế hỗ trợ, bàn ghế bác sĩ , ghế ngồi bệnh nhân
29	Giám định bệnh lý để xác định chế độ BHXH	m <sup>2</sup> /chỗ	15	Bao gồm không gian chỗ đặt các thiết bị y tế hỗ trợ, bàn ghế bác sĩ , ghế ngồi bệnh nhân
30	Phòng giám định nội khoa	m <sup>2</sup> /chỗ	15	Bao gồm không gian chỗ đặt các thiết bị y tế hỗ trợ, bàn ghế bác sĩ , ghế ngồi bệnh nhân
31	Phòng giám định ngoại khoa	m <sup>2</sup> /chỗ	15	Bao gồm không gian chỗ đặt các thiết bị y tế hỗ trợ, bàn ghế bác sĩ , ghế ngồi bệnh nhân
32	Phòng giám định chỉnh hình - phục hồi chức năng	m <sup>2</sup> /chỗ		Bao gồm không gian chỗ đặt các thiết bị y tế hỗ trợ, bàn ghế bác sĩ , ghế ngồi bệnh nhân
33	Phòng giám định tai mũi họng, mắt, răng hàm mặt	m <sup>2</sup> /chỗ	18	Bao gồm không gian chỗ đặt các thiết bị y tế hỗ trợ, bàn ghế bác sĩ , ghế ngồi bệnh nhân

STT	Tên các diện tích	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Chú thích
34	Phòng hội chẩn, giám định y khoa tập thể	m <sup>2</sup> /chỗ	6	Bao gồm không gian chỗ đặt các thiết bị y tế hỗ trợ, bàn ghế bác sĩ, ghế ngồi bệnh nhân
35	Chẩn đoán hình ảnh			
35.1	Phòng X quang	m <sup>2</sup> /máy		Phòng chụp X-quang là khu chức năng thuộc khoa Chẩn đoán hình ảnh, bao gồm không gian đặt máy chụp, khu điều khiển và các khu phụ trợ phục vụ người bệnh (buồng thay đồ, chuẩn bị, nghỉ). Diện tích phòng chụp được tính theo m <sup>2</sup> /máy, bao gồm không gian bố trí thiết bị và thao tác của nhân viên y tế
	- Phòng chụp	m <sup>2</sup> /chỗ	25	là khu chức năng thuộc khoa Chẩn đoán hình ảnh, bao gồm không gian đặt máy chụp. Diện tích phòng chụp được tính theo m <sup>2</sup> /máy, bao gồm không gian bố trí thiết bị và thao tác của nhân viên y tế
	- Phòng điều khiển	m <sup>2</sup> /chỗ	12	Là nơi đặt hệ thống điều khiển máy và chỗ để kỹ thuật viên vận hành, theo dõi chụp
35.2	Phòng siêu âm	m <sup>2</sup> /máy	12	Bao gồm không gian bố trí giường bệnh, chỗ đặt thiết bị hỗ trợ, bàn ghế làm việc của bác sĩ và nhân viên y tế...

STT	Tên các diện tích	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Chú thích
36	Xét nghiệm			
36.1	Khu vực xét nghiệm sinh hóa			Khu vực: Bao gồm các chức năng: Chuẩn bị, Phòng rửa/ tiệt trùng, Kỹ thuật phụ trợ, Phòng lấy mẫu, Phòng lưu mẫu, Phòng xử lý rác thải y tế, Kho hóa chất, Khu vực xét nghiệm miễn dịch ... Căn cứ quy mô, điều kiện năng lực chuyên môn của bệnh viện lựa chọn diện tích, số lượng khu cho phù hợp
	- Xét nghiệm hóa sinh	m <sup>2</sup> /phòng	80	Là khu chức năng chuyên môn bao gồm không gian thực hiện kỹ thuật xét nghiệm, khu chuẩn bị – phụ trợ (xử lý mẫu, hóa chất, dụng cụ) và khu làm việc của nhân viên. Diện tích được xác định theo từng khu chức năng, bảo đảm bố trí đầy đủ thiết bị, dây chuyền xét nghiệm và phù hợp quy mô hoạt động của đơn vị
	- Phòng chuẩn bị	m <sup>2</sup> /phòng	36	“chỗ”: Bao gồm không gian thực hiện công tác chuẩn bị dụng cụ của nhân viên y tế

STT	Tên các diện tích	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Chú thích
	- Phòng rửa/ tiệt trùng	m2/phòng	36	là khu vực thực hiện làm sạch, khử khuẩn, tiệt khuẩn và chuẩn bị dụng cụ y tế; bao gồm không gian bố trí thiết bị và thao tác của nhân viên y tế, được tổ chức phù hợp quy mô hoạt động của đơn vị
36.2	Khu vực xét nghiệm huyết học			Khu vực: Bao gồm các chức năng: Phòng pha chế, Phòng lưu trữ máu, Phòng lưu trữ mẫu máu xét nghiệm, Phòng rửa/ tiệt trùng, Kho hóa chất, ... Căn cứ quy mô, điều kiện năng lực chuyên môn của đơn vị lựa chọn diện tích, số lượng khu cho phù hợp
	- Xét nghiệm huyết học	m2/phòng	80	Bao gồm không gian thực hiện kỹ thuật xét nghiệm máu (huyết học, đông máu), khu chuẩn bị – phụ trợ (xử lý, bảo quản mẫu, hóa chất) và khu làm việc của nhân viên. Diện tích được bố trí theo tổng thể khu xét nghiệm, bảo đảm dây chuyền một chiều và phù hợp quy mô hoạt động của đơn vị
	- Phòng lưu trữ máu	m2/phòng	36	Bao gồm các chức năng: Phòng lưu trữ máu, . Căn cứ quy mô, điều kiện năng lực chuyên môn của đơn vị lựa chọn diện tích, số lượng khu cho phù hợp

STT	Tên các diện tích	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Chú thích
	- Phòng lưu trữ mẫu máu xét nghiệm	m2/phòng	36	Bao gồm các chức năng: Phòng lưu trữ mẫu máu xét nghiệm. Căn cứ quy mô, điều kiện năng lực chuyên môn của đơn vị lựa chọn diện tích, số lượng khu cho phù hợp
	- Phòng rửa tiệt trùng	m2/phòng	36	là khu vực thực hiện làm sạch, khử khuẩn, tiệt khuẩn và chuẩn bị dụng cụ y tế; bao gồm không gian bố trí thiết bị và thao tác của nhân viên y tế, được tổ chức phù hợp quy mô hoạt động của đơn vị
37	Kiểm soát nhiễm khuẩn	m2/ đối tượng	2,1	Khu vực kiểm soát nhiễm khuẩn là diện tích đáp ứng yêu cầu phục vụ thực hiện các hoạt động làm sạch, khử khuẩn, tiệt khuẩn và xử lý ban đầu phục vụ công tác giám định . Căn cứ nhu cầu thực tế để xác định quy mô, diện tích cho phù hợp
38	Xử lý nước thải y tế	m2/ hệ thống	60	Khu vực tập kết, thu gom để chờ chuyển đi xử lý
39	Xử lý chất thải rắn y tế	m2/khu vực	50	Đây là phần diện tích xây dựng để chứa các thiết bị của Hệ thống khí y tế trung tâm